

Điều 2. — Viện Bảo vệ bà mẹ và trẻ sơ sinh là trung tâm nghiên cứu khoa học về sinh lý, bệnh lý của phụ nữ và trẻ sơ sinh.

Nhiệm vụ chung của viện này là nghiên cứu tình trạng sinh lý, bệnh lý của phụ nữ và trẻ sơ sinh, tìm ra những nguyên nhân phát sinh các bệnh tật của phụ nữ và trẻ sơ sinh, và trên cơ sở đó, nghiên cứu, đề ra các biện pháp phòng và chống các bệnh tật ấy nhằm bảo vệ tốt sức khỏe của phụ nữ, của các bà mẹ và trẻ sơ sinh, góp phần vào việc giải phóng phụ nữ, phát triển sản xuất, bảo vệ thế hệ tương lai của Tổ quốc.

Điều 3. — Viện Bảo vệ bà mẹ và trẻ sơ sinh do một viện trưởng phụ trách có một số viện phó giúp việc.

Điều 4. — Nhiệm vụ cụ thể và tổ chức bộ máy của Viện Bảo vệ bà mẹ và trẻ sơ sinh do ông Bộ trưởng Bộ Y tế quy định.

Điều 5. — Ông Bộ trưởng Bộ Y tế chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 14 tháng 5 năm 1966

T.M. Hội đồng Chính phủ
Thủ tướng Chính phủ
PHẠM VĂN ĐỒNG

NGHỊ ĐỊNH số 100-CP ngày 1-6-1966 về việc thống nhất quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ nghị định của Hội đồng Chính phủ số 154-CP ngày 5 tháng 10 năm 1961 quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài,

Theo đề nghị của ông Chủ nhiệm Ủy ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài về việc quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm, nhằm bảo đảm thực hiện đúng đắn đường lối, quan điểm, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước, và khuyến khích việc trao đổi văn hóa lành mạnh giữa nước ta với nước ngoài, phục vụ công tác tuyên truyền quốc tế, đồng thời thực hiện 5 điều kỷ luật tuyên truyền, tăng cường việc bảo vệ nền văn hóa dân tộc tốt đẹp

của ta, gìn giữ bí mật của Nhà nước, ngăn ngừa sự thâm nhập văn hóa đồi trụy, phản động,

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp hội nghị thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 23 tháng 11 năm 1965,

NGHỊ ĐỊNH

Điều 1. — Nay quy định chế độ quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm và giao cho Ủy ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài quản lý công tác này.

Điều 2. — Văn hóa phẩm nói trong nghị định này bao gồm :

a) Sách, báo, tạp chí, tài liệu in hoặc viết tay, quảng cáo hàng, tranh, ảnh, tem bưu chính, thiệp, bản đồ, lịch, bản nhạc ;

b) Phim điện ảnh đã quay, phim nhiếp ảnh đã chụp, đĩa hát, băng đã ghi âm ;

c) Bút tích danh nhân, di tích lịch sử và cổ vật đã liệt hạng hay chưa liệt hạng, tác phẩm mỹ thuật hay mỹ nghệ cổ và kim, đồ thờ cúng ;

d) Tài liệu hoặc công trình nghiên cứu về khoa học kỹ thuật, đồ án thiết kế máy móc hoặc công trình xây dựng ;

d) Những loại hiện vật khác mang tính chất tuyên truyền.

Điều 3. — Cấm xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm có nội dung trái với 5 điều kỷ luật tuyên truyền ghi trong sắc lệnh số 282-SL ngày 14 tháng 12 năm 1956, trái với đường lối của Đảng, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Điều 4. — Các tổ chức và cá nhân muốn xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm phải được Ủy ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài hoặc ty và sở văn hóa được Ủy ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài ủy nhiệm cấp giấy phép, và phải theo đúng thủ tục của hải quan.

Điều 5. — Nếu cần cho việc nghiên cứu, các cơ quan trung ương trực thuộc Trung ương Đảng và Chính phủ được phép nhập khẩu những loại văn hóa phẩm bị cấm nói ở điều 3 trên đây, nhưng thủ trưởng các cơ quan này phải chịu trách nhiệm về việc sử dụng và quản lý những văn hóa phẩm ấy theo đúng chế độ sử dụng, quản lý các tài liệu không được phép lưu hành và phổ biến ở trong nhân dân.

Điều 6. — Những văn hóa phẩm xuất khẩu hoặc nhập khẩu thuộc về hàng mậu dịch phải được phép của các Bộ Ngoại thương, Bộ Văn hóa và Ủy ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài.

Điều 7. — Những điều khoản trong nghị định này có hiệu lực đối với các cơ quan đ

diện nước ngoài và những công dân nước ngoài ở nước Việt-nam dân chủ cộng hòa.

Điều 8. — Những người vi phạm nguyên tắc và thể lệ xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm quy định trong nghị định này, tùy theo lỗi nhẹ hay nặng, sẽ bị phê bình, cảnh cáo hoặc truy tố trước tòa án; những văn hóa phẩm xuất khẩu hoặc nhập khẩu trái phép có thể bị tịch thu.

Điều 9. — Ủy ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài được phép thành lập một bộ phận trực thuộc Ủy ban chuyên trách việc quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm. Bộ phận này có nhiệm vụ giúp Ủy ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài thi hành những thể lệ, quy định về xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm, xét các đơn cấp giấy phép và giải quyết các việc khiếu nại. Bộ Văn hóa, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an sẽ cử, mỗi Bộ một phái viên thường xuyên phối hợp công tác với bộ phận này.

Điều 10. — Các ông Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Bộ Ngoại giao, Bộ Ngoại thương, Bộ Công an, ông Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện và truyền thanh, trong phạm vi trách nhiệm của mình, có nhiệm vụ theo dõi tình hình xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm và thường kỳ họp với ông Chủ nhiệm Ủy ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài để phối hợp giải quyết các công việc về xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm.

Điều 11. — Ủy ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài được quyền ủy nhiệm cho các ty và sở văn hóa, cấp giấy phép và kiểm tra việc xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm phi mậu dịch trong phạm vi trách nhiệm của địa phương. Trong khi làm việc này các ty và sở văn hóa phải phối hợp chặt chẽ với các ty và sở công an, với các tổ chức hải quan và bưu điện có liên quan. Hàng tháng các ty và sở văn hóa phải báo cáo tình hình xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm về Ủy ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài.

Điều 12. — Ủy ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài, Bộ Văn hóa, Bộ Ngoại giao, Bộ Ngoại thương, Bộ Công an, Tổng cục Bưu điện và truyền thanh chịu trách nhiệm thi hành và ra thông tư liên bộ hướng dẫn việc thi hành nghị định này.

Điều 13. — Những điều quy định trước đây về việc quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm trái với nghị định này đều bãi bỏ.

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Hà-nội, ngày 1 tháng 6 năm 1966

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THÔNG TƯ số 93-TTg/TN ngày 6-6-1966 về việc miễn thi hành việc chuyển 30% vốn lưu động định mức của các xí nghiệp xây lắp bao thầu cho Ngân hàng kiến thiết để làm vốn cho vay trong định mức.

Để tăng cường sự giám đốc của ngân hàng và để tiết kiệm vốn của ngân sách, thể lệ hiện hành quy định là ngân sách Nhà nước chỉ cấp cho các xí nghiệp tối đa 70% vốn lưu động định mức, còn khoảng 30% thì chuyển cho Ngân hàng Nhà nước (đối với các xí nghiệp sản xuất, kinh doanh) hoặc Ngân hàng kiến thiết (đối với các xí nghiệp xây lắp bao thầu) để làm vốn cho vay trong định mức.

Khác với các xí nghiệp sản xuất là chỉ có một định mức vốn lưu động dùng để dự trữ cả nguyên vật liệu chính và vật liệu phụ, vật rẻ tiền mau hỏng, v.v..., các xí nghiệp xây lắp được cấp hai loại vốn có tính chất vốn lưu động là :

— Vốn lưu động định mức của xí nghiệp xây lắp : đây là một loại vốn lưu động « nhỏ », dùng để mua vật liệu phụ, vật rẻ tiền mau hỏng, v.v...

— Còn việc dự trữ vật liệu chính cần thiết cho thi công (là vốn lưu động « lớn ») thì do bên A cấp 100% dưới hình thức vốn của ngân sách tạm ứng qua Ngân hàng kiến thiết.

Như vậy, thông qua việc cấp phát vốn tạm ứng cho xí nghiệp xây lắp và thông qua việc cho vay dự trữ vật liệu theo thời vụ, cho vay dự trữ trên định mức vốn lưu động nhỏ, Ngân hàng kiến thiết có điều kiện giám đốc được toàn bộ vốn lưu động của xí nghiệp xây lắp, bao gồm cả vốn lưu động « lớn » và vốn lưu động « nhỏ ». Do đó, việc ngân sách chuyển 30% số vốn lưu động « nhỏ » của các xí nghiệp xây lắp sang Ngân hàng kiến thiết, chẳng những không cần thiết, mà còn gây thêm phiền phức về thủ tục giấy tờ.

Vì vậy, Thủ tướng Chính phủ quyết định :

1. Từ năm 1966 trở đi, đối với các xí nghiệp xây lắp bao thầu của các Bộ, Tổng cục cũng như của các tỉnh và thành phố không áp dụng việc chuyển 30% định mức vốn lưu động nhỏ cho Ngân hàng kiến thiết làm vốn cho vay trong định mức nữa; vốn lưu động nhỏ định mức của các xí nghiệp này, từ năm 1966 trở đi, được ngân sách cấp phát 100%.

Khi duyệt vốn lưu động định mức kế hoạch cho các xí nghiệp xây lắp, các Bộ và ngành chủ quản, Bộ Tài chính và các sở, ty tài chính dựa